

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÌNH LẬP  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 21-8-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi  
ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Sầm Trí Đạt

Bà Vi Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Minh Quang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nông Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Phan Văn N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2024, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Hoàng Thị D trình bày như sau: Bà Hoàng Thị D và Ông Phan Văn N kết hôn từ năm 2000, trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán. Sau khi tổ chức đám cưới Bà Hoàng Thị D đã đến Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn xin giấy giới thiệu để thực hiện thủ tục đăng ký

kết hôn, tuy nhiên Ông Phan Văn N không chịu đi đăng ký kết hôn nên từ đó vợ chồng chung sống với nhau cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đến cuối năm 2023 Bà Hoàng Thị D phát hiện Ông Phan Văn N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bà đã khuyên giải, tha thứ nhưng Ông Phan Văn N vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục duy trì mối quan hệ với người phụ nữ đó. Từ tháng 6 năm 2024 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Nay Bà Hoàng Thị D xác định không còn tình cảm với Ông Phan Văn N đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Phan Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Phan Trung T, sinh ngày 05/10/2000 và cháu Phan Thành L, sinh ngày 08/9/2011. Khi ly hôn Bà Hoàng Thị D yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thành L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu Ông Phan Văn N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phan Trung T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Ông Phan Văn N có đơn đề nghị gửi đến Tòa án, Ông Phan Văn N cho biết ông và Bà Hoàng Thị D kết hôn năm 2000 có sự chứng kiến của gia đình, người thân, bạn bè nhưng không có chứng nhận của chính quyền địa phương. Do giữa ông và Bà Hoàng Thị D còn liên quan đến con cái và tài sản nên đề nghị Tòa án để cho gia đình tự giải quyết. Sau đó trong quá trình giải quyết vụ án Ông Phan Văn N không chấp hành các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án, không hợp tác trong việc cung cấp lời khai, cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các văn

bản tố tụng của Tòa án không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Hoàng Thị D và Ông Phan Văn N.

Về con chung: Bà Hoàng Thị D có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Thành L, sinh ngày 08/9/2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Do Bà Hoàng Thị D không yêu cầu Ông Phan Văn N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Bị đơn nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Hoàng Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Ông Phan Văn N có hộ khẩu thường trú tại thôn Khu B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập các đương sự viết bản tự khai, lấy lời khai các đương sự, yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không hợp tác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đây là phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Hoàng Thị D và Ông

Phan Văn N được hình thành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Tuy có đủ điều kiện nhưng Bà Hoàng Thị D và Ông Phan Văn N không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa Bà Hoàng Thị D và Ông Phan Văn N là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà Hoàng Thị D và Ông Phan Văn N có 02 người con chung là cháu Phan Trung T, sinh ngày 05/10/2000 và cháu Phan Thành L, sinh ngày 08/9/2011. Khi ly hôn Bà Hoàng Thị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thành L, còn cháu Phan Trung T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa Bà Hoàng Thị D cho biết hiện nay bà đang làm giáo viên thu nhập trên 22.000.000 đồng/tháng. Do vậy để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu Phan Thành L, xét thấy cần giao cháu Phan Thành L cho Bà Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Thành L. Ông Phan Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Hoàng Thị D và Ông Phan Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thành L, sinh ngày 08/9/2011 cho Bà Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Phan Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị D và Ông Phan Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận Bà Hoàng Thị D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002779 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hoàng Văn Duy**